

Bài 29

ĐẶC ĐIỂM NỀN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Biết được những thế mạnh và hạn chế của nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta.
- Nhận xét được đặc điểm của nền nông nghiệp nước ta đang chuyển dịch từ nông nghiệp cổ truyền sang nông nghiệp hàng hoá.
- Nắm được xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở nước ta.

2. Về kĩ năng

Đọc bản đồ, phân tích bảng số liệu ở bài 29 SGK.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản Việt Nam.
- Bảng số liệu cần thiết bổ sung cho bài giảng.
- Một số hình ảnh về hoạt động nông nghiệp tiêu biểu, minh hoạ cho nội dung của bài.
- Atlat Địa lí Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

– Nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta dựa trên sự đa dạng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, tài nguyên đất, khí hậu, nguồn nước và sinh vật phong phú. HS cần nắm vững những mặt mạnh và những hạn chế của nông nghiệp nhiệt đới. Có thể gợi ý cho HS đặt câu hỏi và trả lời, chẳng hạn, làm thế nào để có thể phát huy các thế mạnh và khắc phục những hạn chế của nền nông nghiệp nhiệt đới.

– Nền nông nghiệp của nước ta đang trong quá trình chuyển đổi rất sâu sắc, với tính chất hàng hoá ngày càng cao, quy mô sản xuất ngày càng lớn. Vì vậy,

bên cạnh tính chất bấp bênh vốn có của nông nghiệp nhiệt đới, thì các rủi ro do sự biến động của thị trường sẽ tác động ngày càng mạnh đến sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Việc đẩy mạnh sản xuất hàng hoá cũng thúc đẩy việc chế biến nông sản, hình thành các hình thức liên kết nông – công nghiệp.

– Những vấn đề của nông nghiệp gắn bó chặt chẽ với những vấn đề về nông dân và nông thôn.

Trọng tâm của bài là mục 1.b, mục 2, mục 3.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Nền nông nghiệp nhiệt đới

Để dạy mục 1 ý a, GV cần đặt các câu hỏi để HS vận dụng các kiến thức đã học về đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta vào việc phân tích các ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất nông nghiệp.

Về câu hỏi "*Lấy ví dụ chứng minh sự phân hoá mùa vụ do điều kiện khí hậu nước ta*", GV nên cho HS lấy các ví dụ về sự khác biệt mùa vụ giữa miền Bắc và miền Nam, giữa đồng bằng và miền núi. Sự phân hoá mùa vụ cho phép sản xuất các sản phẩm chính vụ và trái vụ, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Mặt khác, nhờ có mùa vụ khác nhau giữa các vùng mà việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho người, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến diễn ra đều đặn hơn giữa các tháng trong năm.

Về câu hỏi : *Việc sử dụng đất trong điều kiện nông nghiệp nhiệt đới cần chú ý những điểm gì ?* GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức ở bài 8, bài 10 và bài 13. HS phát biểu ý kiến, GV hệ thống hoá lại kiến thức.

GV tóm tắt mục 1.a)

Về những thuận lợi chủ yếu :

– Sản phẩm nông nghiệp đa dạng (sản phẩm nhiệt đới là chính, có thêm một số sản phẩm cận nhiệt và ôn đới) ;

– Khả năng xen canh, tăng vụ lớn ;

– Thế mạnh khác nhau giữa các vùng.

Những khó khăn chủ yếu :

– Tính mùa vụ khắt khe trong nông nghiệp.

– Thiên tai, tính chất bấp bênh của nông nghiệp.

Mục 1.b) : GV đặt câu hỏi : *Hãy kể tên các cây trồng chính ở các vùng nông nghiệp của nước ta.* Dựa vào kiến thức đã học ở lớp 9 về Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam, HS trả lời câu hỏi này không khó khăn. Sự tập trung các cây trồng chính vào những vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi chính là điều chứng minh cho nhận định trong SGK (sự phân bố cây con phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp). Câu hỏi này có thể kết hợp với bản đồ.

GV có thể đặt câu hỏi (đối với HS ở nông thôn) về sự thay đổi mùa vụ ở địa phương : *Tại sao ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, trong những năm qua có sự mở rộng diện tích lúa hè thu, trong khi giảm diện tích lúa mùa ?*

GV cần phân tích cho HS thấy rằng sự phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hoá và đẩy mạnh sự trao đổi sản phẩm giữa các vùng là điều kiện tốt để khai thác sự khác biệt mùa vụ giữa các địa phương, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. GV nhấn mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học – công nghệ là cơ sở để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới.

2. Phát triển nền nông nghiệp hiện đại sản xuất hàng hoá góp phần nâng cao hiệu quả của nông nghiệp nhiệt đới

GV tổ chức cho HS lập bảng so sánh giữa nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hoá ở nước ta.

Một số nét chính có thể thấy như sau :

Nền nông nghiệp cổ truyền	Nền nông nghiệp hàng hoá
– Sản xuất nhỏ, công cụ thủ công.	– Sản xuất quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc.
– Năng suất lao động thấp.	– Năng suất lao động cao.
– Sản xuất tự cấp tự túc, đa canh là chính.	– Sản xuất hàng hoá, chuyên môn hoá. Liên kết nông – công nghiệp.
– Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng.	– Người sản xuất quan tâm nhiều hơn đến lợi nhuận.

GV có thể cho HS thấy sự thay đổi tư duy kinh tế của người sản xuất qua phong trào "cánh đồng 5 tấn" trước đây với phong trào "cánh đồng 50 triệu" hiện nay ở tỉnh Thái Bình^(*).

(*) Có thể tham khảo bài báo "Từ 5 tấn đến 50 triệu đồng", tác giả Hà Hồng Châu, đăng trên báo Nhân dân điện tử (<http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=38&sub=57&article=16402>)

Có thể thấy rằng sự chuyển dịch từ nông nghiệp cổ truyền sang nông nghiệp sản xuất hàng hoá là bước tiến lớn cả về lực lượng sản xuất ở nông thôn, sự thay đổi trong tổ chức sản xuất và trong tư duy kinh tế.

GV đặt câu hỏi cho HS : *Tại sao việc phát triển nông nghiệp hàng hoá lại góp phần nâng cao hiệu quả của nông nghiệp nhiệt đới ?* Rõ ràng là việc phát triển nông nghiệp hàng hoá, kết hợp với công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp có thể làm thay đổi cơ cấu mùa vụ, khắc phục những hạn chế do tính mùa vụ khắt khe vốn có của nông nghiệp nhiệt đới, đồng thời phát huy lợi thế của nông nghiệp nhiệt đới trong việc cung cấp các nông sản hàng hoá với khối lượng lớn (tươi sống và đã qua chế biến) tới các thị trường khác nhau trên thế giới, với những khác biệt về mùa vụ giữa nước ta và nhiều nước khác trên thế giới.

3. Kinh tế nông thôn nước ta đang chuyển dịch rõ nét

Tiểu mục 3.a) Trong phần này có một câu hỏi tương đối khó là : *"Dựa vào bảng 29, rút ra nhận xét về xu hướng đa dạng hoá hoạt động kinh tế nông thôn"*. Có thể thấy như sau : Số hộ nông thôn được xác định là hộ nông – lâm nghiệp và thuỷ sản đã giảm từ 80,9% (năm 2001) xuống còn 71% (năm 2006), trong khi đó tỉ lệ hộ công nghiệp – xây dựng tăng khá mạnh từ 5,8% lên 10,0%, tỉ lệ hộ dịch vụ cũng tăng từ 10,6% lên 14,8%. Có thể nói, trong cơ cấu kinh tế nông thôn, các hoạt động phi nông nghiệp đang đóng vai trò ngày càng cao.

Tiểu mục 3.b) đề cập đến quan hệ sản xuất ở nông thôn. Các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thuỷ sản có vai trò không lớn và còn nhiều khó khăn. Các HTX nông, lâm nghiệp và thuỷ sản được xây dựng thành HTX kiểu mới, với nhiệm vụ chủ yếu là dịch vụ cho kinh tế hộ. Kinh tế hộ vẫn đóng vai trò chủ yếu nhất ở nông thôn. Kinh tế trang trại đang phát triển mạnh, góp phần quan trọng đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất hàng hoá.

Tiểu mục 3.c) có đề cập đến sự phân hoá không gian của cơ cấu kinh tế nông thôn. Bản đồ ở hình 29 cho thấy : ở các tỉnh nào là thuần nông, thì tỉ lệ của nông, lâm nghiệp và thuỷ sản trong cơ cấu nguồn thu của hộ nông thôn là cao, thậm chí trên 90% như hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên. Ngược lại, ở các tỉnh mà cơ cấu kinh tế nông thôn đã chuyển biến theo hướng đa dạng hoá, phát triển nhiều ngành nghề phi nông nghiệp thì tỉ lệ này giảm nhiều, ở nhiều tỉnh chỉ còn dưới 70% như các vùng ven các thành phố lớn (ở Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ...).

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

CƠ CẤU HỘ NÔNG THÔN PHÂN THEO NGÀNH NGHỀ VÀ THEO VÙNG, NĂM 2001

(Đơn vị : %)

Vùng	Tổng số	Hộ nông nghiệp	Hộ lâm nghiệp	Hộ thủy sản	Hộ công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp	Hộ xây dựng	Hộ thương mại – dịch vụ	Hộ khác
Cả nước	100	77,35	0,19	3,39	4,57	1,19	10,56	2,75
Đồng bằng sông Hồng	100	77,71	0,02	0,76	6,45	1,29	10,13	3,64
Đông Bắc	100	88,84	0,43	0,54	1,77	0,3	6,6	1,52
Tây Bắc	100	92,92	0,25	0,08	0,59	0,18	5,15	0,83
Bắc Trung Bộ	100	79,61	0,39	3,52	3,12	0,73	8,3	4,33
Duyên hải Nam Trung Bộ	100	72,95	0,11	6,76	3,85	1,8	10,82	3,71
Tây Nguyên	100	91,89	0,17	0,05	0,97	0,41	5,66	0,85
Đông Nam Bộ	100	60,53	0,2	3,4	10,48	3,14	19,35	2,9
Đồng bằng sông Cửu Long	100	72,74	0,13	7,93	3,85	1,09	12,73	1,53

Nguồn : Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001. NXB Thống kê, 2005.

CƠ CẤU CÁC LOẠI HỘ NÔNG NGHIỆP Ở KHU VỰC NÔNG THÔN PHÂN THEO VÙNG, NĂM 2001

(Đơn vị : %)

Vùng	Tổng số	Hộ thuần nông	Hộ nông nghiệp kiêm hoạt động các ngành nghề khác
Cả nước	100	86,40	13,60
Đồng bằng sông Hồng	100	80,91	19,09
Đông Bắc	100	91,70	8,30
Tây Bắc	100	94,92	5,08
Bắc Trung Bộ	100	87,63	12,37
Duyên hải Nam Trung Bộ	100	81,35	18,65
Tây Nguyên	100	93,88	6,12
Đông Nam Bộ	100	82,70	17,30
Đồng bằng sông Cửu Long	100	88,32	11,68

Nguồn : Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001. NXB Thống kê, 2005.

Đọc hai bảng số liệu trên, GV có thể hiểu sâu hơn về cơ cấu kinh tế nông thôn hiện nay và mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng đa dạng hoá rất khác nhau giữa các vùng lãnh thổ.